

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/DS - PT**

Ngày 07 - 5 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương, ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2020/TLPT- DS, ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS - ST, ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2020/QĐ-PT, ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1957; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Trần C.

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (ủy quyền cho bà Trần Thị H theo giấy ủy quyền ngày 06/5/2020).

3.2. UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn F; chức vụ: Công chức địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Theo Giấy ủy quyền ngày 24/4/2020; có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị H.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (Quyết định kháng nghị số 16/KN-VKS-DS ngày 13/12/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là con gái của cụ Nguyễn Thanh K, sinh năm 1926 và cụ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1934 (đều đã chết). Bố mẹ bà sinh được 08 người con gồm: Bà (Nguyễn Thị T), ông Nguyễn Thế Tr, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị S, bà Trần Văn S1, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Mạnh C1, ông Nguyễn Thế N (Nguyễn Văn N) (đã chết, ông N có 02 con là cháu Nguyễn Việt H2 và cháu Nguyễn Quỳnh Ng). Khi còn sống bố mẹ bà có khai phá được một diện tích đất bãi bồi soi giữa sông Lô thuộc địa phận thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Toàn bộ bãi soi tính từ đầu bãi đến cuối bãi khoảng 02ha, trong đó diện tích đất của bố mẹ bà khai phá khoảng 01ha, diện tích đất còn lại lần lượt của gia đình ông Tường Kim Đ, ông Nguyễn Văn L1, ông Trần Văn S1. Phần diện tích đất do bố mẹ bà khai phá một mặt giáp đất nhà ông Tường Kim Đ, được phân chia ranh giới bởi các hàng cây Cơi, các mặt còn lại giáp sông.

Do là đất bãi bồi nên gia đình bà chưa tiến hành kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bố mẹ bà khai phá và sử dụng thường xuyên diện tích đất này có nhiều người làm chứng, cụ thể là những người sinh sống tại các thôn Soi Long, Quang Thái, Khánh An, Khánh Hòa – xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do tuổi cao sức yếu nên năm 1987 bố mẹ bà giao cho anh trai bà là ông Nguyễn Văn N sử dụng đất. Kể từ khi được giao đất ông N sử dụng liên tục vào việc trồng ngô, khoai và trồng tre làm cây bóng mát, đồng thời để giữ cho đất không xói mòn là trồng và giữ lại những cây Cơi và cây Roi nước. Tháng 5/2009 ông N chết, do neo người nên gia đình bà không tặng gia thường xuyên.

Tháng 5/2017 anh em bà sang khu vực bãi soi để trồng ngô, khoai thì bà Trần Thị H là người cùng thôn nhận là đất của bà H và cản trở không cho gia đình bà sử dụng đất. Đồng thời bà H còn đưa người sang phần đất của gia đình bà dùng máy cưa xăng tự ý phá bỏ, hủy hoại cây cối. Bà đã làm đơn yêu cầu chính quyền giải quyết nhưng bà H không trả đất cho bà. Do đó bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất do gia đình bà khai phá và sử dụng. Diện tích đất bà yêu cầu bà H trả lại là 11.545m² theo như Biên bản thẩm định, định giá ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà và bà Nguyễn Thị T là do bố mẹ bà là cụ Trần Quang S1 và Nguyễn Thị T2 trực tiếp khai phá từ những năm 1966 – 1967. Sau khi bố mẹ bà chết đã để lại toàn bộ diện tích đất trên cho anh chị em của bà sử dụng. Từ khi khai phá bố mẹ bà trực tiếp sử dụng đất ổn định, thường xuyên, liên tục và không có tranh chấp với ai. Sau đó các anh chị em bà cũng khai phá thêm diện tích đất gần đó, đến năm 1987 do gia đình bà có hoàn cảnh khó khăn không có đất sử dụng nên các anh chị em của bà cho bà toàn bộ diện tích đất đã khai phá. Gia đình bà T không có đất ở đó. Đồng thời nhà bà T có 7 -8 anh chị em cũng chưa có ai, chưa bao giờ sang bãi đất bồi này trồng cây hay cải tạo đất lần

nào. Đến khoảng tháng 5/2017 bà T sang phần đất này và nói đây là phần đất của gia đình bà T và yêu cầu bà phải trả lại toàn bộ diện tích đất này cho gia đình bà T là không đúng thực tế. Việc bố mẹ bà khai phá và sử dụng thường xuyên diện tích đất này được những người có độ tuổi từ năm 1963 trở về trước và sinh sống lâu năm tại thôn L, xã X, huyện Y chứng kiến. Vì đây là đất bãi bồi nên gia đình bà chưa tiến hành kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu gia đình bà trả lại 11.545m² đất tại thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo như Biên bản thẩm định, định giá ngày 10/01/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trần C không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông C vắng mặt có giấy ủy quyền cho vợ là bà Trần Thị H với nội dung nhất trí với quan điểm của bà H, không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã X không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của UBND xã X trình bày diện tích đất đang có tranh chấp giữa bà T và bà H là đất bãi bồi ven sông, chưa giao khoán, cho cá nhân mượn sử dụng, thuộc quyền quản lý của UBND xã X, chưa giao đất, cho ai thuê nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ kiện trên đã được Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 9, Điều 12, khoản 2 Điều 166 Luật Đất đai; Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 147, 157, 227, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị H phải trả lại quyền quản lý thực tế đối với diện tích đất 11.545m² tại L, thôn L, xã Thái Hòa, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (có sơ đồ đo vẽ thẩm định kèm theo không tách rời bản án) cho bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T 01 búi tre như biên bản thẩm định, định giá có giá trị là 60.700đ (*Sáu mươi nghìn bảy trăm đồng*) theo sơ đồ thẩm định ngày 10/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 8.682.000đ (*Tám triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng*) bà T đã chi để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

Về án phí bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tại Biên lai thu số 0004675, ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ dân sự phát sinh với khoản tiền chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2019 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại nội dung vụ án và hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 13/12/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y ban hành Quyết định kháng nghị số 16/KN – VKS – DS, kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y với nội dung: Bản án sơ thẩm chưa đánh giá đúng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vi phạm nghiêm trọng Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 58/20109/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm:* Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H và Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo, kháng nghị nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

- *Đối với kháng nghị số 16/KN-VKS-DS ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y:*

Bà Thư khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải trả lại 11.545 m² đất đã lấn chiếm của gia đình bà T tại L, thôn L, xã X, huyện Y. Bà T trình bày diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ bà T khai phá, đến năm 1987 thì bố mẹ bà giao lại cho ông Nguyễn Văn N (anh trai bà T) sử dụng. Năm 2009 ông N bị tai nạn chết, do nhà neo người nên gia đình bà bỏ đất không một vài vụ không canh tác, tuy nhiên gia đình bà vẫn quản lý diện tích đất trên chứ không chuyển nhượng, tặng cho, hay cho ai mượn. Căn cứ vào các tài liệu địa chính và kết quả điều tra xác minh thể hiện diện tích đất đang có tranh chấp không có tên trên bản đồ giải thửa 299 và Sổ mục kê của UBND xã X, trên bản đồ địa chính lưu tại UBND xã X thể hiện diện tích đất đang có tranh

chấp là “*Bãi bồi giữa sông*”, không thể hiện số lô, số thửa và không ai được đăng ký, khai mà thuộc quyền quản lý của UBND xã X, huyện Y theo quy định tại khoản 3 Điều 23 và khoản 2 Điều 141 Luật Đất đai năm 2013. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Tòa án không đưa UBND xã X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXDT-DS ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y không đưa UBND xã X huyện Y vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm ngày 26/11/2019, Kiểm sát viên và đương sự đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để triệu tập UBND xã X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vụ án được tiếp tục xét xử vào ngày 30/11/2019 có sự tham gia của đại diện theo ủy quyền của UBND xã X là ông Dương Văn F – Công chức địa chính nông nghiệp và xây dựng và môi trường UBND xã X huyện Y (theo giấy ủy quyền ngày 29/11/2019). Tuy nhiên, sau khi tạm ngừng phiên tòa đại diện UBND xã X tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2019 với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án sơ thẩm không ra quyết định bổ sung người tham gia tố tụng là vi phạm điểm d, khoản 1 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án UBND xã X không có bản tự khai, không được tham gia phiên họp, phiên hòa giải là vi phạm quy định về quyền nghĩa vụ của đương sự tại khoản 11 Điều 70 về quy định về thành phần phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự, thiếu sót trên là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Vì vậy, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang xin rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 16/KN-VKS-DS ngày 13/12/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y.

+ *Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn Trần Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, việc điều tra, xác minh thu thập và đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm còn có nhiều thiếu sót, bà T không có căn cứ chứng minh bà là người được Nhà nước giao đất, cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp bất cứ giấy tờ gì về việc quản lý, sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này, thực tế diện tích đất tranh chấp 11.545m² hiện nay thuộc quyền quản lý của UBND xã X huyện Y.

Bà T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị H phải trả lại 11.545 m² là không có căn cứ, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T là chưa đủ căn cứ. Bà Trần Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo của đương sự, Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y:

Ngày 10/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Y nhận đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y của bị đơn bà Trần Thị H; ngày 13/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/KN-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS – ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, Tòa án nhân dân huyện Y ghi số công văn đến 2068 ngày 16/12/2019 nhưng dấu Bưu điện ghi ngày 14/12/2019; Tòa án nhân dân huyện Y ra Quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự cho bà Trần Thị H số 01/2019/QĐ-TA ngày 12/12/2019, nên Đơn kháng cáo của bà Trần Thị H và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đều được công nhận là trong hạn luật định và hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang rút toàn bộ kháng nghị số 16/KN-VKS-DS, ngày 13/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y do có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y.

[2] Về thủ tục và thành phần tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp là do bố mẹ bà T là cụ Nguyễn Thanh K và cụ Nguyễn Thị T1 (đều đã chết không để lại di chúc) khai phá, sử dụng. Đến năm 1987 bố mẹ bà T cho anh trai bà T là Nguyễn Văn N canh tác, sử dụng, đến năm 2009 ông N bị tai nạn chết, do neo người nên mất một vài năm gia đình không canh tác thường xuyên được. Đến Năm 2013 khi gia đình bà T sang bãi bồi để canh tác đất thì bị gia đình bà H ngăn cản. Bà T đại diện cho các anh chị em trong gia đình đứng ra khởi kiện yêu cầu bà H trả lại đất cho gia đình. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các anh chị em bà T (là những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ T1) và vợ, con ông Nguyễn Văn N vào tham gia tố tụng trong vụ án, không tiến hành lấy lời khai của những người trên về việc giao cho bà Thư làm người đại diện.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST- DS, ngày 01/11/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST- DS, ngày 19/11/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2019/QĐST- DS, ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y không có nội dung nêu tên, địa chỉ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trần C (ông C chồng bà Hạnh có giấy ủy quyền cho bà H) và UBND xã X, huyện Y với vai trò là chủ thể đương nhiên đang quản lý đất soi bãi nơi xảy ra tranh chấp.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa, ông Đặng Trần C và đại diện UBND xã X được mời tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2019 nhưng Tòa án sơ thẩm không ra quyết định bổ sung người tham gia tố tụng là vi phạm điểm d, khoản 1 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đưa UBND xã X, huyện Y và ông Đặng Trần C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng quá trình giải quyết vụ án UBND xã X và ông Đặng Trần C không được thực hiện quyền và nghĩa vụ của

đương sự, không có bản tự khai, không được tham gia phiên họp, phiên hòa giải là vi phạm quy định về quyền nghĩa vụ của đương sự tại khoản 11 Điều 70 và quy định về thành phần phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự, không đảm bảo thủ tục để xác định quyền và nghĩa vụ của các đương sự và chủ thể quản lý đất theo quy định. Những sai sót trên là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà chưa được thực hiện theo trình tự sơ thẩm, không khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất bãi bồi đang có tranh chấp là đất lòng sông Lô thuộc địa phận quản lý của UBND xã X, huyện Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày diện tích đất có tranh chấp là do bố mẹ bà T là Nguyễn Thanh K và Nguyễn Thị T1 khai phá, sử dụng, đến năm 1987 bố mẹ bà T cho anh trai bà T là Nguyễn Văn N sử dụng, đến năm 2009 ông N bị tai nạn chết, do neo người nên gia đình không canh tác được thường xuyên, đến tháng 5/2017 gia đình bà T đến để tiếp tục sử dụng thì xảy ra tranh chấp, còn bản thân bà T chưa từng canh tác trên diện tích đất này.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không được Nguyên đơn giao nộp hoặc tiến hành thu thập được các chứng cứ, tài liệu để chứng minh diện tích đất đang có tranh chấp là do bố mẹ bà T khai phá có các tài liệu xác lập quyền sử dụng đất, các con của cụ K, cụ T1 có quyền thừa kế sử dụng diện tích đất này, hơn nữa các anh chị em trong gia đình bà T cũng không sử dụng bất kỳ một diện tích đất nào tại khu vực đất có tranh chấp do đó không chứng minh được bà T có quyền khởi kiện để đòi lại đất.

Tại biên bản xác minh ngày 03/01/2019 của Tòa án và Biên bản xác minh ngày 13/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tại UBND xã X đều xác định đất bãi soi nơi đang tranh chấp chưa có thủ tục cho thuê, cho mượn hoặc giao đất cho bất kỳ cá nhân, hộ gia đình sử dụng, chưa từng có cá nhân, hộ gia đình đăng ký hoặc xin phép sử dụng.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 141 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ – CP và Nghị định số 44/2014/NĐ- CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Thông tư số 02/2015/TT – BTNMT, ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì đất bãi bồi trên sông thuộc quyền quản lý của Nhà nước mà đại diện là UBND xã, diện tích đất trên liên quan với diện tích đất được UBND tỉnh Tuyên Quang giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng Hải Giang thuê để khai thác cát sỏi lòng sông Lô, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh lấy lời khai, thu thập tài liệu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng Hải Giang là thiếu sót trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ.

Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H phải trả lại quyền quản lý thực tế đối với 11.545m² đất bãi bồi cho bà Nguyễn Thị T là chưa có đủ căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Y, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm với nội dung như nêu trên là phù hợp.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm không thể thực hiện bổ sung được tại cấp phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, hủy Bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 58/2019/DS - ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Z, Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hữu Việt